

Số: /GPMT

Hà Tĩnh, ngày tháng năm 2024

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 317/QĐ-UBND ngày 29/01/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc thành lập Tổ thẩm định cấp Giấy phép môi trường của dự án “Khu nhà ở hộ gia đình cho nhân viên Công ty TNHH Gang thép Hưng Nghiệp Formosa Hà Tĩnh tại Lô NV07, Khu đô thị Kỳ Long - Kỳ Liên - Kỳ Phương, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh” (Tổ thẩm định);

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Văn bản số 914/TTr-STNMT ngày 05/3/2024 (trên cơ sở đề xuất của Công ty TNHH Gang thép Hưng Nghiệp Formosa Hà Tĩnh tại Văn bản số 2401061/CV-FHS ngày 08/01/2024 và hồ sơ liên quan; Ý kiến của Tổ thẩm định tại Văn bản số Văn bản số 631/STNMT-MT ngày 06/02/2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường; Văn bản số 2402067/CV-FHS ngày 28/02/2024 của Công ty TNHH Gang thép Hưng Nghiệp Formosa Hà Tĩnh về chỉnh sửa, bổ sung, hoàn chỉnh một số nội dung liên quan); Ý kiến thống nhất của các Thành viên UBND tỉnh qua Phiếu biểu quyết.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH Gang thép Hưng Nghiệp Formosa Hà Tĩnh (địa chỉ: Khu kinh tế Vũng Áng, phường Kỳ Long, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh) được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Cơ sở “Khu nhà ở hộ gia đình cho nhân viên Công ty TNHH Gang thép Hưng Nghiệp Formosa Hà Tĩnh tại Lô NV07, Khu đô thị Kỳ Long - Kỳ Liên - Kỳ Phương, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh” với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở:

1.1. Tên cơ sở: “Khu nhà ở hộ gia đình cho nhân viên Công ty TNHH Gang thép Hưng Nghiệp Formosa Hà Tĩnh tại Lô NV07, Khu đô thị Kỳ Long - Kỳ Liên - Kỳ Phương, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh”.

1.2. Địa điểm hoạt động: phường Kỳ Liên, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: 3000437821 do phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Tĩnh cấp lần đầu ngày 12/6/2008; đăng ký thay đổi lần thứ 19 ngày 18/3/2021.

1.4. Mã số thuế: 3000437821.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Nhà ở cho cán bộ, công nhân viên của Công ty TNHH Gang thép Hưng Nghiệp Formosa Hà Tĩnh.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

a) Phạm vi, quy mô:

Khu nhà ở hộ gia đình cho nhân viên Công ty TNHH Gang thép Hưng Nghiệp Formosa Hà Tĩnh được đầu tư xây dựng trên diện tích đất 59.096,62 m², trong đó:

- Đất xây dựng nhà ở:	24.703,57 m ² .
- Đất xây dựng công trình công cộng:	3.138,89 m ² .
- Đất cây xanh, công viên:	6.153,25 m ² .
- Đất hạ tầng kỹ thuật:	1.776,77 m ² .
- Đất giao thông:	23.324,14 m ² .

b) Công suất hoạt động của Cơ sở: có 304 căn hộ, đáp ứng nhu cầu lưu trú cho 1.216 người; 01 Trường mầm non trông coi trẻ em trong khu vực Cơ sở.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 01 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 02 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 03 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Trách nhiệm của cơ quan liên quan;

1. Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh (cơ quan cấp Giấy chứng nhận đầu tư, cấp phép xây dựng) chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật, UBND tỉnh và cơ quan thanh tra, kiểm tra về toàn bộ nội dung liên quan đến toàn bộ hồ sơ, thủ tục cấp phép đầu tư xây dựng và công tác quản lý nhà nước đối với Dự án nêu trên.

2. Công ty TNHH Gang thép Hưng Nghiệp Formosa Hà Tĩnh (Chủ đầu tư), Tổ thẩm định, Sở Tài nguyên và Môi trường (cơ quan thẩm định) chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật, UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh và cơ quan thanh tra, kiểm tra về tính chính xác của thông tin số liệu báo cáo, nội dung thẩm định, sự phù hợp với các quy định pháp luật và các kiến nghị, đề xuất tại các Văn bản nêu trên.

Điều 3. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Gang thép Hưng Nghiệp Formosa Hà Tĩnh:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường;

2. Chịu trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo

quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, phát sinh tiếng ồn để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này, các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và pháp luật có liên quan.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải và sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5 Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 4. Thời hạn của Giấy phép: 10 (mười) năm kể từ ngày ban hành.

Điều 5. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh, Ủy ban nhân dân thị xã Kỳ Anh (Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã Kỳ Anh) tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Cơ sở “Khu nhà ở hộ gia đình cho nhân viên Công ty TNHH Gang thép Hưng Nghiệp Formosa Hà Tĩnh tại Lô NV07, Khu đô thị Kỳ Long - Kỳ Liên - Kỳ Phương, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh” theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Như điều 5;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (đề b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh;
- UBND thị xã Kỳ Anh;
- Công ty TNHH Gang thép Hưng Nghiệp Formosa Hà Tĩnh;
- Trung tâm CB-TH tỉnh;
- Lưu: VT, NL₃.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Trần Báu Hà

Phụ lục 01

**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC
VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM,
XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số/GPMT ngày tháng năm 2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh)*

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

1. Nguồn phát sinh nước thải:

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ Khu nhà ở cho công nhân;
- Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ Trường mầm non;
- Nguồn số 03: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ Nhà bảo vệ.

**2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải,
vị trí xả nước thải:**

2.1. Dòng thải:

- Nước thải sinh hoạt từ nhà vệ sinh được xử lý ở bể tự hoại của từng căn hộ, Trường mầm non, Nhà bảo vệ, sau đó theo đường ống D200 dọc vỉa hè và đường ống D300 dọc tuyến đường dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung;

- Nước thải từ khu vực bồn rửa tay, thoát sàn và nhà bếp của từng căn hộ, Trường mầm non, Nhà bảo vệ được chảy qua song chắn rác tại vị trí phát sinh để loại bỏ cặn rác có kích thước lớn, tiếp tục dẫn bằng đường ống D200 dọc vỉa hè và đường ống D300 vào hệ thống xử lý nước thải tập trung.

2.2. Nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả thải:

2.2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Khe Lau, đoạn thuộc tổ dân phố Liên Phú, phường Kỳ Liên, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh.

2.2.2. Tọa độ vị trí xả nước thải: $X(m) = 1992600$, $Y(m) = 0595213$ (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}30'$, múi chiều 3°).

2.2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: $230m^3$ /ngày đêm ($19,2 m^3$ /giờ).

2.2.4. Phương thức xả nước thải: Nước thải sau xử lý đạt quy chuẩn được dẫn bằng đường ống D300 (dài 70m) theo hướng Tây Nam chảy vào kênh tách nước phân lũ của khu vực (dài 110m) và thoát ra khe Lau, theo phương thức tự chảy.

2.2.5. Chế độ xả nước thải: Xả gián đoạn 12 giờ/24 giờ hàng ngày.

2.2.6. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận: Phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt (QCVN 14:2008/BTNMT, cột A, K=1). Chi tiết các thông số ở bảng dưới đây:

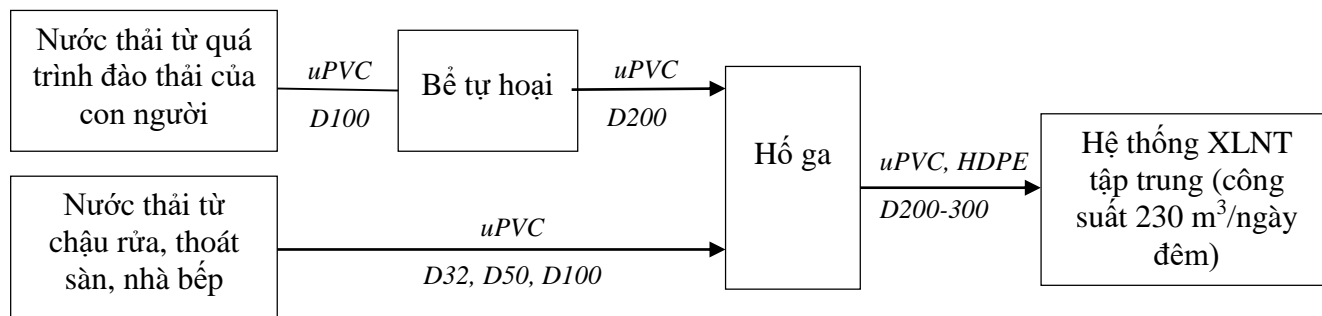
TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép QCVN 14:2008/BTNMT (Cột A, K=1)
1	pH	Thang pH	5 - 9
2	BOD ₅ (20°C)	mg/l	30
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	50
4	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/l	500
5	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	1
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	5
7	Nitrat (tính theo N)	mg/l	30
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	10
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	5
10	Photphat (tính theo P)	mg/l	6
11	Tổng Coliform	MPN/ 100ml	3.000

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom xử lý nước thải:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Sơ đồ thu gom các dòng thải nước thải sinh hoạt phát sinh:



- Công trình thu gom nước thải sinh hoạt:

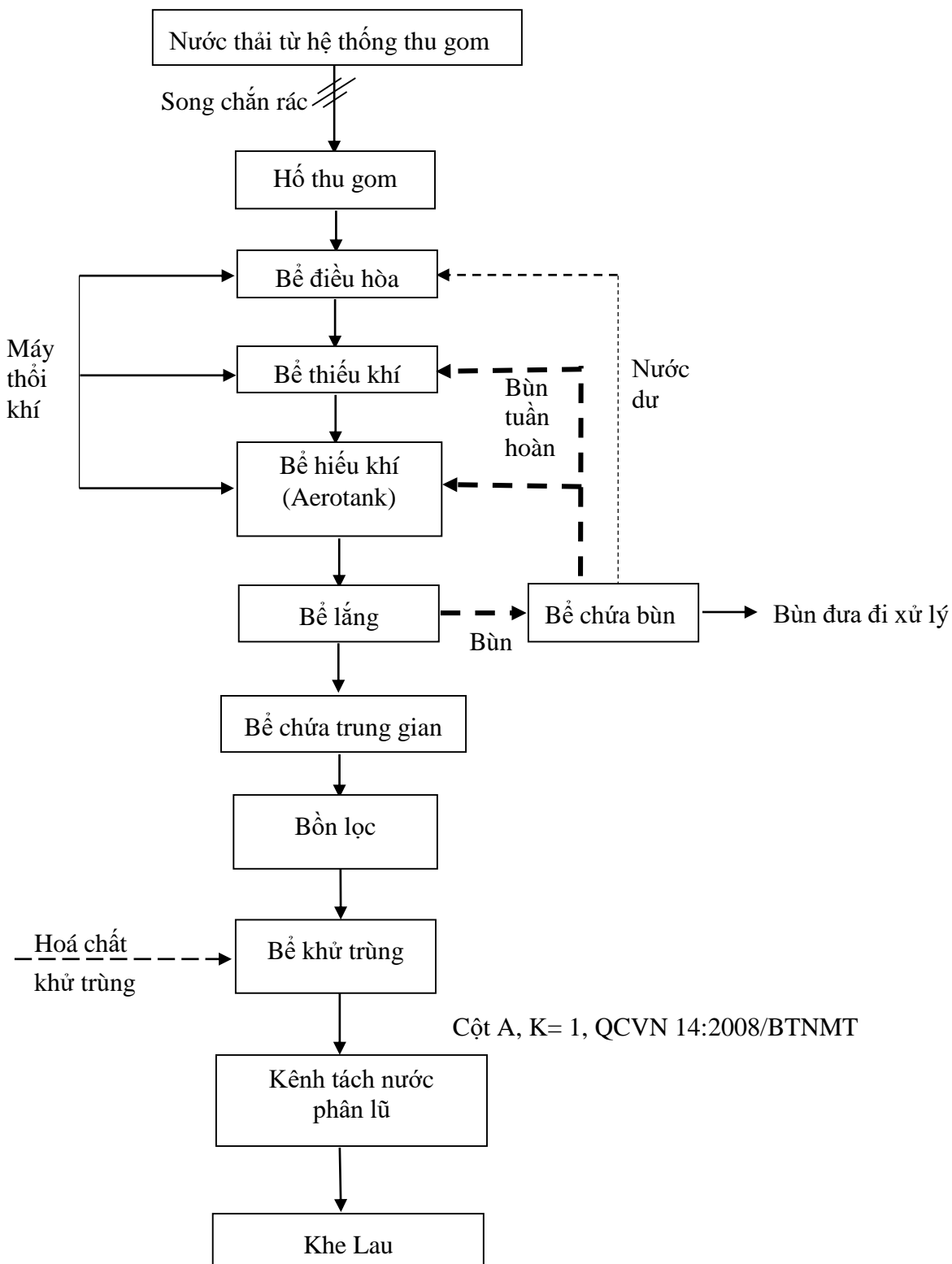
+ Nước thải từ quá trình đào thải của con người (Khu nhà ở hộ gia đình, Trường mầm non và Nhà bảo vệ) được thu gom riêng bằng đường ống D100 dẫn về bể tự hoại đặt ngầm phía dưới các khu nhà để xử lý sơ bộ trước khi chảy vào hố ga trên tuyến đường ống chung (D200, D300) gom nước thải của toàn Cơ sở về hệ thống xử lý nước thải tập trung.

+ Nước thải từ chậu rửa, thoát sàn, nhà bếp được thu gom bằng đường ống D32, D50, D100 dẫn về hố ga trên tuyến đường ống chung (D200, D300) gom nước thải của toàn Cơ sở về hệ thống xử lý nước thải tập trung.

Tổng chiều dài đường ống thu gom nước thải sinh hoạt từ các nguồn về hệ thống xử lý nước thải tập trung là 1.318m và 97 hố ga thu nước thải (kích thước 0,9m x 0,9m x 1,2m).

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

* Sơ đồ, quy trình công nghệ hệ thống xử lý nước thải tập trung:



* *Thuyết minh quy trình vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung:*

- **Hố thu gom:** Nước thải sinh hoạt dẫn theo hệ thống ống thu gom chảy qua song chắn rác để tách các chất cặn rác có kích thước lớn như (nylon, giấy, lá cây,...) và chảy vào hố thu gom nước thải sau đó chảy tràn vào bể điều hòa.

- **Bể điều hòa:** Nước thải chảy vào bể điều hòa để điều hòa lưu lượng và nồng độ nhằm đảm bảo chế độ hoạt động ổn định của trạm xử lý. Tại bể điều hòa có lắp đặt hệ thống sục khí sơ bộ để khuấy trộn nước thải (tránh tạo điều kiện kỵ khí gây mùi thối) và để oxy hóa một phần các chất hữu cơ trong nước thải.

- **Bể thiếu khí:** Nước thải sau khi qua bể điều hòa được bơm vào Bể thiếu khí (Anoxic) để khử nitrat và tiếp tục khử COD, BOD.

Trong ngăn thiếu khí chủ yếu diễn ra quá trình hô hấp thiếu khí, khử nitrat, giải phóng N_2 bay lên nhờ hệ vi khuẩn P.denitrificans, B.licheniformis, Thiobacillus denitrificans, một phần COD được xử lý. Bể được chia làm 2 ngăn mỗi ngăn khoảng 35,2 m³. Tại ngăn số 2 một phần sử dụng đệm vi sinh loại moving với thể tích 2 m³ để tăng mật độ vi sinh từ 2.000mg/l lên thành 5.000mg/l nhờ đệm vi sinh di động kết hợp với đĩa phân phối khí để cung cấp Oxy hòa tan duy trì >2.0mg/l. Phần còn lại bổ sung ống phân phối khí đục lỗ để hòa trộn tăng cường tiếp xúc giữa vi sinh thiếu khí và dinh dưỡng cho việc chuyển hóa NO_3^- thành N_2 .

- **Bể hiếu khí:** Sau khi được xử lý trong bể thiếu khí, nước thải được dẫn vào bể hiếu khí. Tại bể hiếu khí có lắp đặt hệ thống phân phối khí và được thổi liên tục bằng máy thổi khí, lưu lượng khí được điều chỉnh phù hợp bằng các van điều chỉnh lưu lượng khí nhằm cung cấp oxy và giúp các giá thể đệm vi sinh chuyển động trong bể hiếu khí. Quá trình xử lý bằng bể hiếu khí chủ yếu để khử BOD và oxy hóa Amoni.

- **Bể lắng:** Xảy ra quá trình tách loại bùn vi sinh trong nước. Tại bể lắng ta sử dụng côn thu bùn để tăng cường hiệu quả lắng cũng như quá trình tuần hoàn bùn về các bể phía trước. Toàn bộ bùn vi sinh được lắng ở đáy bể, phần nước trong phía trên sẽ chuyển sang bể chứa trung gian. Bùn lắng được đưa về bể chứa bùn, thông qua 02 máy bơm hoạt động luân phiên nhau theo hệ thống điều khiển tự động.

- **Bể trung gian:** Để chứa bùn sau lắng và lưu nước để lọc nhằm tăng hiệu quả thu bùn tại bể lắng. Nước từ bể trung gian được bơm sang bồn lọc để tách các cặn bẩn.

- **Bồn lọc:** gồm có các lớp thạch anh, than hoạt tính, sỏi, cát. Bồn lọc hoạt động liên tục có công suất lọc 20 m³/h. Để bồn lọc hoạt động liên tục không bị tắc nghẽn, tại đây áp dụng công nghệ bồn lọc áp lực kết hợp với hệ thống van tự động giúp nâng cao tự động hóa cho hệ thống. Sau một thời gian lọc, cặn lơ lửng sẽ được giữ lại trên các lớp của bồn lọc và làm giảm tốc độ lọc, khi đó van tự động sẽ điều khiển tự động bơm rửa lọc để hoàn nguyên khả năng lọc. Nước rửa lọc được đưa về bể điều hòa để xử lý lại từ đầu.

- **Bể khử trùng:** Nước sau bồn lọc được dẫn qua bể khử trùng để loại bỏ các vi khuẩn có hại. Sử dụng dung dịch Chlorine cho quá trình khử trùng nước thải, với liều

lượng 3mg Clo/m³ nước thải xả ra; dung dịch Chlorine được châm vào bể theo hình thức tự động.

- **Bể chứa bùn:** Tại bể chứa bùn, bùn cặn được phân hủy yếm khí và giảm đáng kể thể tích. Bùn thải khi đầy sẽ hợp đồng với đơn vị có chức năng hút, vận chuyển đi xử lý.

Nước thải sau khi qua bể khử trùng đạt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (QCVN 14:2008/BTNMT, Cột A, K=1) thì được xả ra nguồn tiếp nhận.

Danh mục các hạng mục của hệ thống xử lý nước thải tập trung

STT	Tên các bể	Thể tích hữu dụng (m ³)
1	Bể thu gom (vật liệu bê tông)	40
2	Bể điều hòa (vật liệu bê tông)	96
3	Bể thiếu khí (vật liệu bê tông)	70,6
4	Bể hiếu khí (vật liệu bê tông)	130,24
5	Bể lắng (vật liệu bê tông)	52
6	Bể trung gian (vật liệu bê tông)	5,2
7	Bồn lọc (vật liệu composite)	-
8	Bể khử trùng (vật liệu bê tông)	13,2
9	Bể chứa bùn (vật liệu bê tông)	10,9

* Công suất thiết kế của hệ thống xử lý nước thải tập trung: đạt tối đa 230 m³/ngày.đêm.

* Hóa chất, vật liệu sử dụng: soda (cân bằng pH), đường công nghiệp (bổ sung chất dinh dưỡng cho vi sinh vật), dung dịch Chlorine (khử trùng nước thải).

1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- *Biện pháp phòng ngừa:*

Thường xuyên kiểm tra, nhắc nhở, nâng cao ý thức trách nhiệm làm việc của nhân viên vận hành hệ thống xử lý nước thải kịp thời phát hiện và ứng phó khi sự cố xảy ra; kiểm tra hoạt động của máy móc thiết bị và các công trình trong hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- *Các biện pháp ứng phó:*

- + Khi sự cố xảy ra tiến hành đóng van chặn nước thải sau xử lý.
- + Nhanh chóng khắc phục sự cố trong thời gian ngắn nhất để hệ thống xử lý nước thải tập trung hoạt động trở lại bình thường.
- + Xử lý quay vòng nước thải đến khi xử lý đạt tiêu chuẩn mới thải ra nguồn tiếp nhận.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của Cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

2.2. Chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định và phải ngừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

2.3. Chịu sự kiểm tra, giám sát của cơ quan quản lý môi trường tại địa phương; chuẩn bị nhân lực, trang bị các phương tiện cần thiết để sẵn sàng ứng phó, khắc phục sự cố gây ô nhiễm nguồn nước đồng thời báo cáo kịp thời về cơ quan cấp phép trong trường hợp có sự cố gây ô nhiễm nguồn nước do việc xả nước thải gây ra./.

Phụ lục 02

**ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT ngày tháng năm 2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn:

- Hoạt động của các máy móc, động cơ điện, như: máy bơm, máy phát điện dự phòng, máy thổi khí,...
- Hoạt động của các phương tiện giao thông ra vào khu vực; hoạt động tại khu vực Trường mầm non.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn:

- Nguồn số 1: các máy bơm, máy thổi khí tại khu vực Trạm xử lý nước thải tập trung và máy phát điện dự phòng, có tọa độ: X(m) = 1992645; Y(m) = 0595257 (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}30'$, múi chiếu 3°);
- Nguồn số 2: Hoạt động của phương tiện giao thông ra vào Cơ sở, hoạt động tại khu vực Trường mầm non: nguồn phân tán, không tập trung nên không xác định tọa độ cụ thể.

3. Tiêu chuẩn tiếng ồn, độ rung:

Tiếng ồn, độ rung tại các khu vực xung quanh phải đảm bảo không vượt quá giới hạn cho phép tại QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và giá trị giới hạn cho phép (dBA)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 - 21 giờ	Từ 21 - 6 giờ		
1	55	45	01 lần/năm	Khu vực đặc biệt
2	70	55		Khu vực thông thường

3.2. Độ rung

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 - 21 giờ	Từ 21 - 6 giờ		
1	60	55	01 lần/năm	Khu vực đặc biệt
2	70	60		Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Để giảm thiểu tác động của tiếng ồn và độ rung do hoạt động của các trang thiết bị, máy móc,..., thực hiện các biện pháp sau:

+ Các chân đế, bộ máy được gia cố bằng bê tông chất lượng cao.

+ Lắp đặt các đệm chống rung bằng cao su.

+ Lắp đặt thiết bị cách âm.

+ Kiểm tra độ cân bằng và hiệu chỉnh nếu cần thiết.

+ Tiến hành kiểm tra, bôi trơn và bảo dưỡng định kỳ.

- Để giảm thiểu từ máy phát điện dự phòng, thực hiện các biện pháp sau:

+ Sử dụng máy phát điện dự phòng có chất lượng tốt, phát sinh tiếng ồn nhỏ.

Lắp đặt các tấm đệm làm bằng cao su hoặc xốp cho máy phát điện dự phòng.

+ Máy được đặt cách ly với các khu vực nhà ở để giảm thiểu tiếng ồn đến cán bộ, công nhân trong khu vực.

- Trồng hoa, cây xanh xung quanh khu vực đặt máy để giảm phát tán tiếng ồn ra xung quanh.

- Có kế hoạch kiểm tra và theo dõi chặt chẽ việc sử dụng các phương pháp bảo hộ lao động thường xuyên của công nhân, tránh tình trạng có phương tiện bảo hộ mà không sử dụng.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này./.

Phụ lục 03
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT ngày tháng năm 2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp phải kiểm soát, phát sinh:

TT	Tên chất thải	Ký hiệu phân loại	Mã chất thải	Khối lượng ước tính (kg/tháng)
1	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	NH	16 01 06	02
2	Pin - ắc quy thải	NH	16 01 12	01
3	Hộp chứa mực in (loại có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất mực) thải	KS	08 03 17	01
Tổng cộng				04

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

- Bùn thải từ các bể tự hoại: khối lượng ước tính khoảng 7,76 m³/tháng.
- Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải tập trung: khối lượng ước tính khoảng 11m³/năm.
- Bùn thải từ hoạt động nạo vét các mương thoát nước thải: khối lượng ước tính khoảng 01m³/6 tháng.

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh, gồm: Giấy báo, thùng carton, túi nilon, thực phẩm dư thừa, ...: khoảng 608 kg/ngày.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải công nghiệp phải kiểm soát, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại (CTNH), chất thải công nghiệp phải kiểm soát (CTCNPKS):

2.1.1. Thiết bị lưu chứa:

- Đối với chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp phải kiểm soát: Bố trí 03

thùng đựng (loại 60 lít/thùng, có nắp đậy, dán nhãn) tại kho chứa chất thải nguy hại.

2.1.2. Khu vực lưu chứa:

- Vị trí: Kho lưu giữ CTNH có diện tích 10m² bố trí ở phía Tây Bắc Khu nhà ở.

- Thiết kế, cấu tạo: Kết cấu cột dầm sàn bê tông cốt thép, hệ tường bao xung quanh bằng gạch xây kín, có mái che; nền đảm bảo không bị ngập lụt, tránh được nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào.

2.1.3. Biện pháp thu gom, xử lý:

Chủ cơ sở thu gom, phân định, phân loại, lưu chứa chất thải tại kho lưu giữ chất thải nguy hại; ký hợp đồng với Công ty TNHH MTV chế biến chất thải công nghiệp Hà Tĩnh hoặc đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển đi xử lý theo quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải tập trung, bùn thải từ các bể tự hoại và bùn nạo vét hệ thống mương thoát nước thải được hợp đồng với đơn vị có chức năng trực tiếp bơm hút, nạo vét, vận chuyển đi xử lý theo đúng quy định.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.3.1. Thiết bị lưu chứa:

- Khu vực nhà ở: bố trí 912 thùng đựng có nắp đậy (mỗi căn hộ 03 thùng, loại 10 lít/thùng).

- Khu vực Trường mầm non: bố trí 15 thùng đựng (loại 20 lít/thùng) tại khu vực phía sau lớp học, tại khu vực nhà bếp bố trí 03 thùng đựng (loại 20 lít/thùng).

2.3.2. Khu vực lưu chứa:

- Vị trí tập kết chất thải rắn sinh hoạt nằm ở phía Tây Nam khu đất. Tại đây bố trí 08 xe đẩy chuyên dụng có nắp đậy (thể tích 660 lít/xe đẩy) để thu gom chất thải rắn sinh hoạt phát sinh hàng ngày tại khu nhà ở, Trường mầm non và chuyển giao cho đơn vị có chức năng vận chuyển đi xử lý.

2.3.3. Biện pháp thu gom, phân loại, xử lý chất thải rắn sinh hoạt:

Chất thải rắn sinh hoạt được cán bộ, công nhân viên hộ gia đình trong Khu nhà ở, Trường mầm non thực hiện thu gom, phân loại, lưu giữ theo quy định, trong đó:

- Đối với chất thải rắn sinh hoạt có khả năng tái chế, tái sử dụng (như giấy, thùng carton hoặc các loại có nguồn gốc kim loại (như các lon đựng nước giải khát,...) sau khi được phân loại, nhân viên vệ sinh thu gom vào thùng riêng, định kỳ bán phế liệu.

- Đối với chất thải thực phẩm gồm thức ăn dư thừa, thực phẩm hết hạn sử dụng, hư hỏng, các phần rau, củ, quả, thực phẩm thải bỏ từ việc sơ chế, chế biến được nhân viên vệ sinh của Khu nhà ở thu gom riêng và cho người dân tận dụng làm thức ăn cho gia súc.

- Đối với các chất thải còn lại không có khả năng tái sử dụng, tái chế được thu gom vào thùng đựng; hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển đi xử lý theo đúng quy định của pháp luật.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy nổ

Thực hiện đầy đủ các biện pháp phòng cháy chữa cháy theo hồ sơ được Phòng Cảnh sát PCCC&CHCN - Công An tỉnh Hà Tĩnh cấp giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy, chữa cháy số 25/TD-PCCC ngày 03/02/2016, ý kiến PCCC tại Văn bản số 42/TD-PC07 ngày 12/8/2019 về cải tạo tầng 1 Cửa hàng bách hoá tại Khu nhà ở hộ gia đình Formosa thành phòng học thuộc Trường mầm non song ngữ King Bee và thực hiện các biện pháp đã nêu trong báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường.

2. Phòng ngừa và ứng phó sự cố do thiên tai:

- Theo dõi thường xuyên dự báo thời tiết để có thể nắm bắt chính xác diễn biến của mưa, bão nhằm có phương án đối phó kịp thời.

- Định kỳ trước mùa mưa bão, tiến hành kiểm tra sửa chữa, chằng chống cây xanh, công trình; kiểm tra, sửa chữa nạo vét hệ thống thoát nước, nắp đậy các hố ga, tránh hiện tượng ngập lụt cuốn theo nước bẩn ra môi trường xung quanh.

- Thành lập và duy trì các hoạt động của đội cứu hộ (thành viên là cán bộ, công nhân viên của Cơ sở), đồng thời phối hợp với lực lượng phòng chống thiên tai địa phương trong những lúc cần thiết.

- Lắp đặt hệ thống chống sét, thu sét và tuân theo các yêu cầu kỹ thuật nhằm hạn chế ở mức thấp nhất thiệt hại do sét gây ra, đảm bảo sự an toàn của công trình về lâu dài.

3. Phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường khác:

- Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ CTNH, CTCNPKS, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

- Chủ cơ sở có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. Thực hiện theo các biện pháp đã nêu trong Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường./.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH